

tiếp thu mua toàn bộ sản lượng cam của các nông trường quốc doanh do Trung ương quản lý. Tổng Công ty xuất nhập khẩu rau quả tuyển chọn cam đủ tiêu chuẩn xuất khẩu tươi và chế biến các mặt hàng xuất khẩu; chỉ giao số cam còn lại không đủ tiêu chuẩn xuất khẩu và chế biến xuất khẩu cho ngành nội thương tiêu thụ.

2. Giao Ủy ban Nhân dân các tỉnh Nghệ Tĩnh, Hà Sơn Bình và Thanh Hóa (thông qua các tổ chức xuất nhập khẩu của tỉnh) thống nhất thu mua toàn bộ sản lượng cam của các nông trường quốc doanh do địa phương quản lý, của các hợp tác xã và gia đình nông dân trên địa bàn tỉnh để giao toàn bộ số cam đủ tiêu chuẩn xuất khẩu và chế biến xuất khẩu cho Tổng Công ty xuất nhập khẩu rau quả, Bộ Công nghiệp thực phẩm; chỉ giao số cam còn lại không đủ tiêu chuẩn xuất khẩu và chế biến xuất khẩu cho ngành nội thương tiêu thụ.

Bộ Công nghiệp thực phẩm phối hợp với các Bộ Nông nghiệp, Nội thương, Ngoại thương, Giao thông vận tải, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Nhân dân các tỉnh Nghệ Tĩnh, Thanh Hóa, Hà Sơn Bình và các ngành có liên quan bàn và thống nhất các biện pháp tổ chức, cơ chế thu mua, phân phối cam theo đúng các mục tiêu nói trên ngay từ vụ cam năm 1986.

3. Bộ trưởng các Bộ Công nghiệp thực phẩm, Nông nghiệp, Nội thương, Ngoại thương, Giao thông vận tải, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh Nghệ Tĩnh, Thanh Hóa và Hà Sơn Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay cho Quyết định số 312 — CT ngày 20-9-1985 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

K. T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng  
Phó Chủ tịch

TRẦN QUỲNH

**QUYẾT ĐỊNH** của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 178-CT ngày 23-7-1986 về chế độ trợ cấp cho dân công nghĩa vụ.

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Theo đề nghị của Bộ Lao động (tờ trình số 882-LĐ/NL ngày 12-7-1986) và ý kiến thỏa thuận của Bộ Tài chính;

Tiếp theo Quyết định số 116-CT ngày 2-5-1986 về chế độ trợ cấp cho dân công nghĩa vụ trên công trường thủy lợi Nhà nước,

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Thống nhất chế độ trợ cấp cho dân công làm trên các công trường Nhà nước trong các ngành, các địa phương trong cả nước là 1 kilôgam gạo 1 công định mức theo giá chỉ đạo bán lẻ của Nhà nước tại địa phương.

2. Bộ trưởng Bộ Lao động và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng  
Phó Chủ tịch  
ĐỖ MƯỜI

### CÁC BỘ

### LIÊN BỘ

### TÀI CHÍNH — BƯU ĐIỆN

**THÔNG TƯ** liên Bộ Tài chính — Tổng cục Bưu điện số 7-TT/LB ngày 20-6-1986 hướng dẫn thi hành Quyết định số 112-HĐBT về tổ chức trạm bưu điện xã và Nghị định số 235-HĐBT về chế độ sinh hoạt phí đối với trưởng trạm bưu điện xã và bưu tá xã.

Thi hành Quyết định số 112-HĐBT ngày 15-10-1981 của Hội đồng Bộ trưởng về tổ

chức trạm bưu điện xã và điều 10 Nghị định số 235-HĐBT ngày 18-9-1985 của Hội đồng Bộ trưởng về chế độ phụ cấp sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn; căn cứ Thông tư số 74-ĐP/TCCP ngày 26-11-1985 và công văn số 1-ĐP/TCCP ngày 3-1-1986 của Ban Tổ chức của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị định số 235-HĐBT về chế độ đối với cán bộ trạm bưu điện xã, liên Bộ Tài chính — Tổng cục Bưu điện hướng dẫn thực hiện như sau:

## I. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ BỐ TRÍ LAO ĐỘNG CỦA TRẠM BƯU ĐIỆN XÃ

### 1. Chức năng, nhiệm vụ:

a) Theo Quyết định số 112-HĐBT ngày 15-10-1981 của Hội đồng Bộ trưởng và công văn số 1-ĐP/TCCP ngày 3-1-1985 của Ban Tổ chức của Chính phủ, trạm bưu điện xã là cơ quan chuyên trách công tác thông tin liên lạc trong nội bộ xã, của Ủy ban Nhân dân xã, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Ủy ban Nhân dân xã, đồng thời chịu sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành Bưu điện.

b) Đối với những xã mà ngành Bưu điện chưa đảm nhiệm được nhiệm vụ chuyên, phát bưu phẩm, báo chí, điện báo đến địa chỉ người nhận ở xã thì bưu điện huyện ký hợp đồng trách nhiệm khoán cho trạm bưu điện xã chuyên, phát và phí tổn do ngành Bưu điện chi theo chế độ thuê khoán quy định tại mục 3 Thông tư số 3-LĐTL ngày 17-3-1986 của Tổng cục Bưu điện.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trạm bưu điện xã có trách nhiệm bảo đảm đúng các chỉ tiêu chất lượng chuyên phát bưu phẩm, báo chí, điện báo do ngành Bưu điện quy định.

### 2. Bố trí lao động:

a) Để thực hiện tinh giản bộ máy theo hướng gọn nhẹ, có hiệu suất, trạm bưu

điện xã có từ 1 đến 2 người gồm trưởng trạm và bưu tá. Việc xác định số lao động của trạm bưu điện xã sẽ do Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương căn cứ vào những quy định tại Thông tư số 74-ĐP/TCCP ngày 26-1-1986 của Ban Tổ chức của Chính phủ và tình hình cụ thể ở địa phương để hướng dẫn Ủy ban Nhân dân huyện xác định số lao động cho từng xã theo hướng sau đây:

— Đối với những xã diện tích rộng, dân số đông, khối lượng công tác thông tin liên lạc trong nội bộ xã nhiều, thì trạm bưu điện xã được bố trí 1 trưởng trạm và 1 bưu tá.

— Đối với những xã tuy diện tích hẹp dân số ít nhưng đường sá đi lại khó khăn tùy theo yêu cầu bảo đảm thông tin liên lạc trong nội bộ xã mà xác định số lao động của trạm bưu điện xã cho phù hợp nhưng không được vượt quá mức quy định trong công văn số 1-ĐP/TCCP ngày 3-1-1985 của Ban Tổ chức của Chính phủ.

— Đối với những xã khối lượng công tác thông tin liên lạc trong nội bộ xã không nhiều thì trạm bưu điện xã chỉ cần bố trí 1 trưởng trạm kiêm bưu tá.

b) Căn cứ vào số lao động đã được Ủy ban Nhân dân huyện xác định cho trạm bưu điện các xã trong huyện, bưu điện các huyện có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Nhân dân các xã để sắp xếp lại trưởng trạm bưu điện xã và bưu tá xã, trường hợp cần thay đổi hoặc cho nghỉ việc thì báo cáo với Ủy ban Nhân dân huyện giải quyết theo chế độ chung.

c) Để bảo đảm chất lượng phục vụ của trạm bưu điện xã, ngành Bưu điện có trách nhiệm bồi dưỡng về nghiệp vụ cho trưởng trạm bưu điện xã và bưu tá xã. Ủy ban Nhân dân xã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho trạm bưu điện xã hoạt động và ổn định đội ngũ trưởng trạm, bưu tá, tránh sự thay đổi không cần thiết. Từ nay, mỗi khi cần thay đổi trưởng trạm bưu điện xã, Ủy ban Nhân dân xã và Bưu

điện huyện phải bàn bạc thống nhất đề báo cáo với Ủy ban Nhân dân huyện quyết định, tuyệt đối không thay đổi trưởng trạm bưu điện xã khi chưa có quyết định của Ủy ban Nhân dân huyện. Đối với bưu tá xã thì do Ủy ban Nhân dân xã bố trí sau khi đã bàn bạc thống nhất với Bưu điện huyện.

**3.** Kể từ ngày trưởng trạm bưu điện xã, bưu tá xã chuyển sang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí hàng tháng do ngân sách xã đài thọ, ngành Bưu điện sẽ không thu cước khoán bưu điện xã theo quy định tại Thông tư liên Bộ Tài chính — Tổng cục Bưu điện số 19-TTLB ngày 1-4-1985.

Mọi bưu phẩm của các cơ quan cấp xã gửi ra ngoài xã qua đường bưu điện đều phải trả cước phí bưu điện theo Quyết định số 1445-QĐ ngày 8-11-1985 của Tổng cục Bưu điện.

## II. CHẾ ĐỘ ĐÁI NGỘ ĐỐI VỚI TRƯỞNG TRẠM BƯU ĐIỆN XÃ BƯU TÁ XÃ

### 1. Phụ cấp sinh hoạt phí:

a) Trưởng trạm bưu điện xã, bưu tá xã được hưởng phụ cấp sinh hoạt phí như cán bộ nửa chuyên trách của xã do Ngân sách xã đài thọ theo 3 mức: 70 đồng, 80 đồng, 90 đồng/tháng như quy định tại điểm a điều 10 Nghị định số 235-HĐBT ngày 18-9-1985. Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương hướng dẫn Ủy ban Nhân dân các huyện căn cứ vào khối lượng công tác thông tin liên lạc trong nội bộ xã, tinh thần thái độ phục vụ và thâm niên công tác của mỗi người mà xếp vào 1 trong 3 mức trên.

b) Khoản phụ cấp sinh hoạt phí hàng tháng của trưởng trạm, bưu tá xã đều được cộng thêm phụ cấp chênh lệch

giá sinh hoạt theo vùng quy định tại điểm 2, điều 5 Nghị định số 235-HĐBT ngày 18-9-1985 và phụ cấp chiến đấu ở các xã biên giới Việt — Trung (nếu có) theo quy định tại điểm 6, điều 5 Nghị định số 235-HĐBT ngày 18-9-1985 của Hội đồng Bộ trưởng.

c) Ngoài sinh hoạt phí và các khoản phụ cấp quy định tại điểm 1a trên đây, trưởng trạm bưu điện xã hoặc bưu tá xã có làm công việc chuyển phát bưu phẩm, báo chí, điện báo đến địa chỉ người nhận ở xã thì được hưởng thêm một khoản thù lao theo chế độ hợp đồng trách nhiệm quy định tại mục 3 Thông tư số 3-ĐLTL ngày 17-3-1986 của Tổng cục Bưu điện.

### 2. Chế độ trợ cấp khi già yếu nghỉ việc:

Trưởng trạm bưu điện xã, bưu tá xã công tác lâu năm, già yếu nghỉ việc có đủ điều kiện về tuổi đời, thâm niên công tác theo Quyết định số 130-CP ngày 20-6-1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13-10-1981 của Hội đồng Bộ trưởng đều được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng như đối với cán bộ xã già yếu nghỉ việc.

### 3. Một số chế độ khác:

a) Trưởng trạm bưu điện xã, bưu tá xã được hưởng các chế độ bảo vệ sức khỏe, chế độ mai táng phí, chế độ trợ cấp gia đình khi gặp khó khăn túng thiếu như đối với cán bộ nửa chuyên trách khác ở xã theo điều 6 tại Quyết định số 111-HĐBT ngày 13-10-1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

b) Trưởng trạm bưu điện xã, bưu tá xã qua sắp xếp lại biên chế theo tinh thần công văn số 1-ĐP/TCCP ngày 3-1-1986 của Ban Tổ chức của Chính phủ mà phải nghỉ việc nhưng không đủ điều kiện để hưởng trợ cấp thường xuyên hàng tháng theo

chế độ đối với cán bộ xã già yếu nghỉ việc thì được trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác bưu điện xã được trợ cấp bằng một tháng sinh hoạt phí đang hưởng, tối đa không quá 5 tháng sinh hoạt phí (như quy định tại mục 2, Thông tư liên Bộ Tài chính — Tổng cục Bưu điện số 2918-TTLB ngày 4-10-1978). Khoản trợ cấp một lần này không áp dụng đối với các trường hợp nghỉ việc khác.

c) Đề từng bước nâng cao chất lượng phục vụ của trạm bưu điện xã. Khi cần thiết ngành Bưu điện sẽ tổ chức hội nghị bồi dưỡng về nghiệp vụ cho trưởng trạm bưu điện xã. Trong thời gian dự hội nghị bồi dưỡng nghiệp vụ do ngành Bưu điện triệu tập, trưởng trạm bưu điện xã được cấp phát các khoản chi về ăn ở, tài liệu học tập, thuốc men khi ốm đau, tiền tàu xe đi và về.

Khoản chi trợ cấp một lần cho cán bộ bưu điện xã nghỉ việc do sắp xếp lại tổ chức trạm bưu điện xã và chi phí cho trưởng trạm bưu điện xã dự hội nghị bồi dưỡng nghiệp vụ do ngành Bưu điện đài thọ và được hạch toán vào giá thành kinh doanh nghiệp vụ bưu điện.

### III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này thi hành thống nhất trong cả nước từ ngày 1 tháng 4 năm 1986. Các văn bản đã quy định trước đây (như Thông tư số 19-TTLB ngày 1-4-1985 và mục 1 phần II của Thông tư số 13-TT/BE/TC ngày 10-12-1982 của liên Bộ Tài chính-Bưu điện) trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Từ ngày 31-3-1986 về trước, nếu nơi nào đã trả phụ cấp sinh hoạt phí cho trưởng trạm bưu điện xã, bưu tá xã thấp hơn quy định tại Thông tư này thì được truy lĩnh. Trường hợp đã trả cao hơn thì không phải truy hoàn.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, yêu cầu phản ánh về liên Bộ nghiên cứu giải quyết.

K.T. Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện	K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Tổng cục phó ĐOÀN NGỌC CHUNG	Thứ trưởng HỒ TẾ

### BỘ LÂM NGHIỆP

**CHỈ THỊ của Bộ Lâm nghiệp số 25-LN/KL ngày 2-7-1986 về việc tổ chức kiểm soát lâm sản.**

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã có Quyết định số 78-CT ngày 27-2-1984 về việc đặt các trạm kiểm soát trên các tuyến đường giao thông và Quyết định số 305-CT ngày 29-6-1984 về việc phê chuẩn lập các trạm kiểm soát liên ngành trên các tuyến quốc lộ và đường bộ liên tỉnh.

Thời gian qua, Bộ Lâm nghiệp đã cùng các tỉnh rà soát, bố trí lại hệ thống các trạm kiểm soát lâm sản, giải tán nhiều trạm kiểm soát lâm sản ở những nơi không cần thiết để chuyển vào làm nhiệm vụ tuần tra bảo vệ trong rừng, và cửa rừng.

Nhưng gần đây, do yêu cầu của quản lý thị trường, hầu hết các huyện đều tổ chức các trạm kiểm soát liên ngành và bố trí cả kiểm lâm nhân dân làm nhiệm vụ kiểm soát lâm sản, từ đó dẫn đến tình hình trong một địa phương, trên một tuyến đường có nhiều trạm kiểm soát lâm sản làm cho gỗ lưu thông trên đường bị ách tắc, gây phiền hà và tiêu cực trong khâu kiểm soát lâm sản.